

UBND XÃ SAO VÀNG

**BẢNG TỔNG HỢP
ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ CƠ SỞ BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI ĐỢT 2**

(Từ ngày 25 tháng 07 năm 2025 đến ngày 01 tháng 10 năm 2025)

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày .../...../2025 của UBND xã Sao Vàng)

STT	Họ tên Hộ	Thôn	Tổng cộng		Lợn Nái, Lợn đực		Lợn thịt		Tổng NSNN hỗ trợ	Ghi chú
			Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)		
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(8)	(5)=(7)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)*40.000 đ/kg	
1	Nguyễn Văn Phương	thôn Điền trạch	16,00	820,0	-	-	16,00	820,00	32.800.000	
2	Hà Thị Thu	thôn Điền trạch	3	108,0			3	108,00	4.320.000	
3	Đỗ Thị Thìn	thôn Điền trạch	13,00	959,0	2,00	368,00	11,00	591,00	38.360.000	
4	Ngô Văn Dũng	thôn Điền trạch	2,00	185,0	2,00	185,00	-	-	7.400.000	
5	Bùi Thị Quỳnh	thôn Điền trạch	1	192,0	1	192,00			7.680.000	
6	Vũ Thị Ninh	thôn Điền trạch	20,00	871,0	3,00	505,00	17,00	366,00	34.840.000	
7	Bùi Văn Vũ	thôn Điền trạch	1	56,0			1	56,00	2.240.000	
8	Trần Ngọc Quyền	thôn Điền trạch	1	135,0	1	135,00			5.400.000	
9	Trịnh Thị Hiền	thôn Điền trạch	2	340,0	2	340,00			13.600.000	
10	Phạm Công Đoàn	Thôn Đồng Cốc	1	116,0	1	116,0			4.640.000	
11	Vi Văn Thành	Thôn Đồng Cốc	1	105,0	1	105,0			4.200.000	
12	Đỗ Trọng Lực	Thôn Bích Phương	7	421,0			7	421,0	16.840.000	
13	Nguyễn Văn Lan	Thôn Bích Phương	2	130,0			2	130,0	5.200.000	
14	Nguyễn Văn Ngọc	Thôn Bích Phương	2	279,0	2	279,00			11.160.000	
15	Nguyễn Văn Hạnh	Thôn Bích Phương	1	78,0	1	78,00			3.120.000	
16	Hoàng Chí Lan	Thôn Bích Phương	1	194,0	1	194,00			7.760.000	
17	Nguyễn Hữu Sơn	Thôn Bích Phương	2	290,0	2	290,00			11.600.000	
18	Lê Chí Dương	Thôn Đồng Tâm	24,00	1.293,0	-	-	24,00	1.293,00	51.720.000	
19	Lê Thị Phụng	Thôn Đồng Tâm	5,00	506,0	5,00	506,00	-	-	20.240.000	
20	Trịnh Đăng Thế	Thôn Đồng Tâm	293,00	19.699,6	17,00	2.390,00	276,00	17.309,60	787.984.000	

21	Ngô Văn Thuận	Thôn Đồng Tâm	29,00	1.794,0	2,00	393,00	21,00	1.189,00	71.760.000
22	Trịnh Đăng Thư	Thôn Đồng Tâm	12,00	801,0	2,00	122,00	10,00	679,00	32.040.000
23	Hà Thị Nụ	Thôn Đồng Tâm	1	187,0	1	187,0			7.480.000
24	Đào Viết Hồng	Thôn Ngọc Lạp	21,00	2.111,0	4,00	642,00	17,00	1.469,00	84.440.000
25	Lê Thị Thuận	Thôn Ngọc Lạp	1	100,0	1	100,0			4.000.000
26	Nguyễn Văn Dung	Thôn Ngọc Lạp	1	148,0	1	148,0			5.920.000
27	Lê Thị Hằng (Minh)	Thôn Ngọc Lạp	1	218,0	1	218,0			8.720.000
28	Hoàng Văn Biểu	Thôn Ngọc Lạp	2	260,0	2	260,0			10.400.000
29	Phạm Văn Đài	Thôn Ngọc Lạp	4	560,0	4	560,0			22.400.000
30	Đỗ Văn Khoa	Thôn Ngọc Lạp	5,00	656,0	5,00	656,00	-	-	26.240.000
31	Nguyễn Văn Việt	Thôn Ngọc Lạp	2	333,0	2	333,0			13.320.000
32	Nguyễn Văn Thiệu	Thôn Ngọc Lạp	12,00	1.627,0	6,00	850,00	6,00	777,00	65.080.000
33	Hoàng Văn Trường	Thôn Ngọc Lạp	3	268,0	2	188,0	1	80	10.720.000
34	Đỗ Văn Khoa	Thôn Ngọc Lạp	2	379,0			2	379	15.160.000
35	Hoàng Văn Tường	Thôn Ngọc Lạp	2	308,0			2	308	12.320.000
36	Nguyễn Văn Kiên	Thôn Ngọc Lạp	2	346,0			2	346	13.840.000
37	Đỗ Xuân Ninh	Thôn Ngọc Lạp	19	2.470,0	16	2.154	3	316	98.800.000
38	Đỗ Xuân Toán	Thôn Ngọc Lạp	4	485,0	2	248	2	237	19.400.000
39	Lê Duy Trí	Thôn Ngọc Lạp	8	753,0	1	140	7	613	30.120.000
40	Đỗ Như Lập	Thôn Ngọc Lạp	11	452,0	2	362,0	9	90	18.080.000
41	Vũ Thị Nhung	Thôn Ngọc Lạp	2	328,0	2	328	-	-	13.120.000
42	Lê Thị Cơ	Thôn Ngọc Lạp	2	259,0	2	259,0			10.360.000
43	Nguyễn Thị Hứa	Thôn Ngọc Lạp	2	156,0	2	156,0			6.240.000
44	Lê Văn Dân	Thôn Bàn Thạch 2	1	250,0	1	250,0			10.000.000
45	Lê Công Thắng	Thôn Bàn Thạch 2	5	1.029,0	2	476	3	553	41.160.000
46	Lê Xuân Tuấn	Thôn Bàn Thạch 2	1	23,0			1	23	920.000
47	Lê Thị Quỳnh	Thôn Bàn Thạch 2	9	269,0			9	269	10.760.000
48	Lê Thị Nhung	Thôn Bàn Thạch 2	1	103,0	1	103,0			4.120.000
49	LÊ XUÂN THỦY	Thôn Bàn Thạch 2	8	907,0			8	907,0	36.280.000
50	Lê Hữu Xuân	Thôn Bàn Thạch 1	18	980,0	-	-	18	980	39.200.000
51	Nguyễn Văn Kết	Thôn Bàn Thạch 1	3	329,8	-	-	3	330	13.192.000
52	Lê Văn Long	Ba Ngọc	5	214,0			5	214,0	8.560.000
53	Nguyễn Văn Bồn	Ba Ngọc	4	181,0	1	115	3	66	7.240.000

54	Phạm Văn Chung	Ba Ngoc	1	105,0	1	105,0			4.200.000
55	Nguyễn Xuân Hồi	Ba Ngoc	1	49,0			1	49,0	1.960.000
56	Lê Văn Thùý	Ba Ngoc	1	110,0	1	110,0			4.400.000
57	Lê Văn Nhâm	Ba Ngoc	9	676,0	2	285	7	391	27.040.000
58	QUÁCH Văn Nghị	Ba Ngoc	1	265,0	1	265,0			10.600.000
59	Phạm Văn Hiệp	Ba Ngoc	2	280,0	1	165	1	115	11.200.000
60	Lê Văn Vui	Ba Ngoc	1	240,0	1	240,0			9.600.000
61	Lê Văn Toàn	Ba Ngoc	1	30,0			1	30	1.200.000
62	Lò Văn Trường	Thôn đội 3	3	103,0			3	103	4.120.000
63	Lê Viết Kỳ	Thôn Hoàng Kim	1	150,0	1	150,00			6.000.000
64	Hoàng Văn Hải	Thôn bàn thạch 4	1	195,0	1	195,0			7.800.000
65	Lê Văn Lực	Thôn Làng Bài	5	284,0	2	272	3	12	11.360.000
66	Hà Công Lực	Thôn Làng Bài	4	277,0	1	165	3	112	11.080.000
67	Lê Văn Canh	Thôn Làng Bài	3	297,0			3	297,0	11.880.000
68	Lê Văn Đại	Thôn Làng Bài	3	304,0	1	215	2	89	12.160.000
69	Phạm Văn Lý	Thôn Làng Bài	2	275,0	1	225	1	50	11.000.000
70	Nguyễn Thị Chín	Thôn Làng Bài	5	265,0	1	106	4	159	10.600.000
71	Lê Văn Công	Thôn Làng Bài	3	250,0	-	-	3	250	10.000.000
72	Lê Thị Phòng	Thôn Làng Bài	2	105,0			2	105,0	4.200.000
73	Phạm Văn Minh	Thôn Làng Bài	1	83,0	1	83,0			3.320.000
74	Lê Văn Sơn	Thôn Làng Bài	9	258,0	1	165	8	93	10.320.000
75	Lê Văn Linh	Thôn Làng Bài	24	332,0	2	253	22	79	13.280.000
76	Phạm Văn Hành	Thôn Làng Bài	3	168,0			3	168,0	6.720.000
77	Phạm Thị Ân	Thôn Làng Bài	1	150,0	1	150,0			6.000.000
78	Phạm Tiến Cảnh	Thôn Làng Bài	13	590,0	-	-	13	590	23.600.000
79	Hà Công Điện	Thôn Làng Bài	2	59,0			2	59,0	2.360.000
80	Phạm Văn Đậu	Thôn Làng Bài	1	52,0			1	52,0	2.080.000
81	Hà Công Chung	Thôn Làng Bài	2	60,0			2	60,0	2.400.000
82	Hà Công Vận	Thôn Làng Bài	4	204,0	1	152,0	3	52,0	8.160.000
83	Hà Công Sơn	Thôn Làng Bài	2	38,0			2	38,0	1.520.000
84	Phạm Văn Thái	Thôn Làng Bài	3	168,0			3	168,0	6.720.000
85	Phạm Văn Cam	Thôn Làng Bài	1	138,0	1	138,0			5.520.000
86	Lê Văn Thành	Thôn Bàn Lai	1	106,0	1	106,0			4.240.000

87	Phạm Văn Lộc	Thôn Bàn Lai	1	110,0	1	110,0			4.400.000
88	Lê Văn Thu	Thôn 7	1	70,0			1	70,0	2.800.000
89	Vi Văn Phương	Thôn 7	1	89,0	1	89			3.560.000
90	Hoàng Thị An	Thôn 7	2	300,0	2	300			12.000.000
91	Bùi Thị Đông	Thôn 7	2	155,0			2	155,0	6.200.000
92	HÀ Văn Nam	Thôn 7	13	1.071,0	-	-	13	1.071	42.840.000
93	Lê Đình Tạo	Thôn 7	1	79,0			1	79,0	3.160.000
94	Bùi Văn Cương	Thôn Xuân Hợp	4	177,0	-	-	4	177	7.080.000
95	Lương Ngọc Tư	Thôn Xuân Hợp	28	3.284,0	5	1.010	23	2.274	131.360.000
96	Trần Văn Phúc	Thôn Thành Đồng	6	421,0	-	-	6	421	16.840.000
97	Trịnh Việt Châu	Thôn Thành Đồng	94	3.839,0	2	533	92	3.306	153.560.000
98	Phạm Đình Hải	Thôn Thành Đồng	4	275,0	2	215	2	60	11.000.000
99	Lê Chí Chung	Thôn Thành Đồng	23	2.583,5	11	2.435,0	12	148,5	103.340.000
100	Lê Chí Thành	Thôn Thành Đồng	3	218,0	-	-	3	218	8.720.000
101	Lê Việt Bình	Thôn Thành Đồng	1	292,0	1	292,0			11.680.000
102	Lê Thị Hân	Thôn Thành Đồng	20	1.157,0	1	270	19	887	46.280.000
103	Lê Việt Hoàng	Thôn Thành Đồng	9	86,0			9	86,0	3.440.000
104	Lê Hữu Đức	Thôn Thành Đồng	1	183,0	1	183,0			7.320.000
105	Bùi Văn Tuấn	Thôn Làng sung	40	2.203,0	6	481	34	1.722	88.120.000
106	Bùi Văn Thu	Thôn Làng sung	7	626,0	2	205	5	421	25.040.000
107	Lê Thị Đoạt	Thôn Làng sung	2	223,0	2	223	-	-	8.920.000
108	Hà Thị Thơm	Thôn Làng sung	1	160,0	1	160,0			6.400.000
109	Bùi Văn Nương	Thôn Làng sung	1	105,0	1	105,0			4.200.000
110	Bùi Văn Nho	Thôn Làng sung	1	101,0	1	101,0			4.040.000
111	Lê Văn Chung	Thôn Làng sung	4	179,0	4	179	-	-	7.160.000
112	Phạm Văn Quán	Thôn Làng sung	3	177,0	3	177,0			7.080.000
113	Bùi Văn Vinh	Thôn Làng sung	1	135,0	1	135,0			5.400.000
114	Cao Thị Bảy	Thôn Làng sung	4	219,0	-	-	4	219	8.760.000
115	Bùi Văn Chính	Thôn Làng sung	1	197,0	1	197,0			7.880.000
116	Lê Xuân Hùng	Đặng Lâu	18	1.022,0	-	-	18	1.022	40.880.000
117	Trần Văn Tiến	Thôn 4	12	378,0	4	356,0	8	22,0	15.120.000
118	Tạ Quang Huy	Thôn 12	5	220,0	-	-	5	220	8.800.000
119	Nguyễn Văn Tâm	Thôn 2	2	255,0	2	255	-	-	10.200.000

120	Trịnh Thị Duyên	Hợp Thành	13	179,0			13	179,00	7.160.000
121	Trịnh Vinh Nhuận	Hợp Thành	13	1.132,0	1	145,0	12	987,0	45.280.000
122	Đỗ Xuân Hùng	Hợp Thành	1	112,0	1	112,0			4.480.000
123	Lê Xuân Thọ	Hố Dăm	1	265,0	1	265,0			10.600.000
124	Lê Đình Tiến	Hố Dăm	1	250,0	1	250,0			10.000.000
125	Lê Đình Việt	Thôn 5	29	1.030,0	3	744	26	286	41.200.000
126	Trần Văn Tuấn	Thôn tân lập	27	1.492,0	-	-	27	1.492	59.680.000
127	Quach Như Hoàn	Thôn 10	28	1.488,0	1	192	27	1.296	59.520.000
128	Nguyễn Thị Sâm	Bàn Thạch 3	1	50,0			1	50,0	2.000.000
129	Lê Quang Trung	Bàn Thạch 3	15	237,0	1	192,0	14	45,0	9.480.000
130	Lê Văn Tích	Bàn Thạch 3	2	103,0			2	103,0	4.120.000
131	Lê Thị Thủy	Thôn Diên Hào 2	11	830,0	-	-	11	830	33.200.000
132	Nguyễn Văn Hải	Thôn Tân Phúc	4	183,0	1	167,0	3	16,0	7.320.000
133	Hoàng Quốc Hưng	Thôn Tân Phúc	27	2.402,0	1	66	26	2.336	96.080.000
134	Lê Văn Quý	Thôn 6	1	77,0			1	77,0	3.080.000
135	Đào Văn Chiến	Đồng luông	4	394,0	1	240	3	154	15.760.000
136	Trần Hữu Bảy	THÔN 11	50	2.092,0	9	1.420	41	672	83.680.000
137	Bùi Ngọc Anh	THÔN 11	125	11.348,0	12	2.927	113	8.421	453.920.000
138	Lê Thị Hiền	THÔN 10	19	829,0	1	95,0	18	734,0	33.160.000
139	Phạm Thị Nghị	CỬA TRÁT	1	215,0	1	215,0			8.600.000
140	Hà Thi Nghĩa	XUÂN TÂM	2	82,0			2	82,0	3.280.000
Tổng			1.408,00	98.107,9	219,00	33.517,00	1.183,00	64.378,90	3.924.316.000

(Số tiền bằng chữ: Ba tỷ chín trăm hai mươi tư triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng)